TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN L** **TỈNH Y**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 138/2024/HNGĐ-ST Ngày 26/12/2024 V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN L- TỈNH Y

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán- Chủ toạ phiên toà: Ông Phan Duy Đô
Các Hội thẩm nhân dân:
1- Ông Nguyễn Ngọc Minh;
2- Ông Hoàng Văn Khiếu.

Thư ký phiên toà: Ông Trần Mạnh Hùng, Thư ký Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y tham gia phiên toà: Ông Lý Văn Tầm- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 240/2024/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2024 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 142/2024/QĐXX-ST ngày 28 tháng 11 năm 2024; Quyết định hoãn phiên toà số 97/2024/QĐST-HNGĐ ngày 11 tháng 12 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị S** 26 tuổi
Địa chỉ: Thôn 4 Th- xã PL- huyện L- tỉnh Y, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.
Bị đơn: Anh **Lý Văn D** 32 tuổi
Địa chỉ: Thôn 4 Th- xã PL- huyện L- tỉnh Y, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 03/10/2024 và các lời khai tiếp theo, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị S trình bày: Chị và anh Lý Văn D kết hôn tháng 5 năm 2016 trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã PL- huyện L- tỉnh Y. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc bình thường, đến năm 2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do bất đồng quan điểm sống dẫn đến thường xuyên xảy ra cãi vã, không còn tôn trọng nhau, có lần anh D còn đánh chị. Gia đình đã khuyên nhủ nhưng anh D không thay đổi. Năm 2023 chị đã bỏ về bên ngoại, vợ chồng sống ly không còn quan tâm đến nhau nữa. Xác định không còn tình cảm chị đề nghị giải quyết cho ly hôn. Vợ chồng có hai con chung là Lý Tuấn Tr sinh ngày 03/11/2014; Lý Anh T sinh ngày 01/11/2021 hiện đang ở cùng bố và bà nội, ly hôn

anh D sẽ là người trực tiếp nuôi các con vì hiện tại chị đang đi làm xa, bà nội cũng không đồng ý cho chị đưa các con đi. Về tài sản chung, nợ chung chị không yêu cầu giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Toà án nhân dân huyện L- tỉnh Y đã ra văn bản thông báo, triệu tập hợp lệ và trực tiếp liên lạc qua điện thoại nhiều lần nhưng anh Lý Văn D vắng mặt nên Toà án tiếp tục giải quyết vụ án theo thủ tục pháp luật quy định.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật: Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ thủ tục tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ; bị đơn được triệu tập nhưng không đến giải quyết là chưa thực hiện đúng, đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định tại điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội; chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, tuyên xử cho chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Lý Văn D; giao con chung cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tranh chấp giữa chị Nguyễn Thị S và anh Lý Văn D là tranh chấp về hôn nhân và gia đình; các đương sự có địa chỉ thường trú tại xã PL- huyện L- tỉnh Y nên Tòa án nhân dân huyện L thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Mặc dù đã được triệu tập, cấp, tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng anh Lý Văn D vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án, vắng mặt tại phiên tòa không có lý do; chị Nguyễn Thị S có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Tòa án xét xử vắng mặt cả bị đơn và nguyên đơn là đúng quy định tại điểm b khoản 2 điều 227, khoản 1 điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị S và anh Lý Văn D kết hôn năm 2016, việc kết hôn này tuân thủ đúng những quy định của Luật Hôn nhân và gia đình do đó đây là hôn nhân hợp pháp.

Tại điều 19 luật Hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình".* Kết quả xác minh tại địa phương cơ bản phù hợp với lời khai của nguyên đơn cho thấy do nhiều nguyên nhân nên

trong thời gian qua vợ chồng chị S- anh D không hạnh phúc, trong đó nguyên nhân chính là do quan điểm, tính cách, lối sống không hợp nhau… Qúa trình giải quyết vụ án Toà án đã ra văn bản thông báo và triệu tập nhiều lần nhằm hoà giải để vợ chồng về đoàn tụ nhưng anh D không có mặt tham gia các phiên hoà giải đã thể hiện không còn thiện chí tiếp tục duy trì mối quan hệ hôn nhân này nữa. Chị Nguyễn Thị S khẳng định tình cảm vợ chồng không còn và kiên quyết đề nghị giải quyết cho ly hôn; hai người cũng đã có thời gian dài sống ly thân không còn quan tâm đến nhau nữa. Qua đó cho thấy hôn nhân giữa chị S và anh D đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do đó yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị S có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Chị Nguyễn Thị S và anh Lý Văn D có hai con chung là Lý Tuấn Tr sinh ngày 03/11/2014 và Lý Anh T sinh ngày 01/11/2021. Qúa trình giải quyết vụ án quan điểm của chị S để anh D trực tiếp nuôi các con.

Theo quy định tại khoản 2 điều 81 Luật hôn nhân và gia đình thì "*Vợ chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con*".

Xét hoàn cảnh thực tế cả chị S và anh D đều đi làm xa, cháu Lý Tuấn Tr và Lý Anh T thường xuyên ở cùng bà nội, chủ yếu do bà nội trông nom, chăm sóc. Trong biên bản lấy lời khai cháu Tr có nguyện vọng muốn được ở với bố. Để đảm bảo sự ổn định trong cuộc sống sinh hoạt, học tập cần giao con chung cho anh D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp. Về việc cấp dưỡng nuôi con do qúa trình giải quyết vụ án anh D không có mặt để thể hiện quan điểm nên không xem xét. Chị S có quyền thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

[4] Về tài sản chung; nợ chung: Chị S không yêu cầu nên việc giải quyết không đặt ra.

[5] Về án phí: Chị Nguyễn Thị S phải chịu án phí ly hôn theo quy định của pháp luật.

[6] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện L- tỉnh Y về việc giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

1- Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ khoản 1 điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 điều 227; khoản 1 điều 228; điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự; Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị Nguyễn Thị S được ly hôn với anh Lý Văn D.

2- Về con chung: Căn cứ các điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; giao hai con chung là Lý Tuấn Tr sinh ngày 03/11/2014 và Lý Anh T sinh ngày 01/11/2021 cho anh Lý Văn D trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo

dục; chị Nguyễn Thị S không phải cấp dưỡng nuôi con. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3- Về án phí Căn cứ khoản 4 điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Nguyễn Thị S phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn. Xác nhận chị S đã nộp đủ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện L- tỉnh Y theo biên lai số AA/2024/0001230 ngày 17/10/2024.

4- Quyền kháng cáo: Căn cứ điều 271, điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

5- Quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự".

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục T.H.A.D.S huyện;
- UBND xã PL;
- Các đương sự;
- Lưu HS-TA-THS.

Phan Duy Đô